

Số: *A96* /BC-UBND

Tuần Giáo, ngày *10* tháng 12 năm 2020

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách địa phương năm 2020 Dự toán và phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2021

Căn cứ Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020;

Căn cứ Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020 và các Quyết định bổ sung khác của UBND tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/12/2019 của HĐND huyện Tuần Giáo khóa XX, kỳ họp thứ 10 về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND huyện về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020; và các quyết định bổ sung ngân sách của UBND huyện.

UBND huyện Tuần Giáo báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách địa phương năm 2020; Dự toán NSDP năm 2021 với những nội dung cụ thể như sau:

## PHẦN THỨ NHẤT

### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NSDP NĂM 2020

#### A. THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG: (Chi tiết biểu 01 kèm theo)

Dự toán thu ngân sách địa phương 841 tỷ 276 triệu đồng, ước thực hiện cả năm đạt 1.024 tỷ 843 triệu đồng, đạt 121,8% dự toán, tăng 21,8% so với thực hiện năm 2019.

#### I. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Dự toán giao 56 tỷ 600 triệu đồng, ước thực hiện 57 tỷ 950 triệu đồng, đạt 102,4% dự toán, tăng 35,9% so với thực hiện năm 2019. Trong đó thu ngân sách huyện hưởng, ước thực hiện 55 tỷ 594 triệu đồng, đạt 103,8% dự toán, tăng 46,8% so với thực hiện năm 2019.

Chi tiết ước thực hiện các khoản thu như sau:

1. *Thu từ khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh*: Dự toán giao 23 tỷ 500 triệu đồng, ước thực hiện 23 tỷ 500 triệu đồng, đạt 100,0% dự toán, tăng 7,6% so với thực hiện năm 2019.

2. *Lệ phí trước bạ*: Dự toán giao 4 tỷ 600 triệu đồng, ước thực hiện 5 tỷ 500 triệu đồng, đạt 119,6% dự toán, giảm 9,2% so với thực hiện năm 2019.

3. *Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*: Dự toán giao 70 triệu đồng, ước thực hiện 90 triệu đồng, đạt 128,6% dự toán, giảm 3,4% so với thực hiện năm 2019.

4. *Thuế thu nhập cá nhân*: Dự toán giao 1 tỷ 800 triệu đồng, ước thực hiện 1 tỷ 800 triệu đồng, đạt 100% dự toán, tăng 1,8% so với thực hiện năm 2019.

5. *Thu cấp quyền khai thác khoáng sản*: Dự toán giao 100 triệu đồng, ước thực hiện 130 triệu đồng, đạt 130% dự toán, giảm 74,2% so với thực hiện năm 2019.

6. *Phí và lệ phí*: Dự toán giao 1 tỷ 200 triệu đồng, ước thực hiện 1 tỷ 200 triệu đồng, đạt 100% dự toán, giảm 36,3% so với thực hiện năm 2019.

7. *Thu tiền sử dụng đất*: Dự toán giao 23 tỷ 600 triệu đồng, ước thực hiện 24 tỷ đồng, đạt 101,7% dự toán, tăng 169,7% so với thực hiện năm 2019.

8. *Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước*: Dự toán giao 30 triệu đồng, ước thực hiện 30 triệu đồng, đạt 100% dự toán.

9. *Thu khác ngân sách*: Dự toán giao 1 tỷ 600 triệu đồng, ước thực hiện 1 tỷ 600 triệu đồng, đạt 100% dự toán, tăng 13,9% so với thực hiện năm 2019.

10. *Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản*: Dự toán giao 100 triệu đồng, ước thực hiện 100 triệu đồng, đạt 100% dự toán, giảm 35,8% so với thực hiện năm 2019.

## **II. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:**

Dự toán giao 787 tỷ 726 triệu đồng, ước thực hiện 853 tỷ 504 triệu đồng, đạt 108,4% dự toán, tăng 13,9% so với thực hiện năm 2019. Bao gồm:

### **1. Thu bổ sung cân đối:**

Dự toán giao 638 tỷ 969 triệu đồng, ước thực hiện 638 tỷ 969 triệu đồng, đạt 100% dự toán, tăng 11,4% so với thực hiện năm 2019.

### **2. Thu bổ sung có mục tiêu:**

Dự toán giao 148 tỷ 757 triệu đồng, ước thực hiện 214 tỷ 535 triệu đồng, đạt 144,2% dự toán, tăng 21,9% so với thực hiện năm 2019.

## **III. Thu chuyển nguồn:**

Năm 2020 thu chuyển nguồn là 113 tỷ 19 triệu đồng, tăng 111,6% so với năm 2019.

## **IV. Thu kết dư ngân sách:**

Năm 2020 thu kết dư là 164 triệu đồng, giảm 60,3% so với năm 2019.

## V. Thu kết dư ngân sách:

Năm 2020 thu kết dư là 164 triệu đồng, giảm 60,3% so với năm 2019.

## B. CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG: (Chi tiết biểu 02 kèm theo)

Dự toán chi ngân sách địa phương 841 tỷ 276 triệu đồng, ước thực hiện 1.024 tỷ 843 triệu đồng, đạt 121,8% dự toán, tăng 21,8% so với thực hiện năm 2019. Chi tiết ước thực hiện các khoản chi như sau:

### I. Chi cân đối ngân sách:

Dự toán giao 692 tỷ 519 triệu đồng, ước thực hiện 823 tỷ 837 triệu đồng, đạt 119% dự toán, tăng 29,5% so với thực hiện năm 2019. Bao gồm:

#### 1. Chi đầu tư phát triển:

Dự toán giao 19 tỷ 440 triệu đồng, ước thực hiện 25 tỷ 904 triệu đồng, đạt 133,3% dự toán, tăng 272,5% so với thực hiện năm 2019.

#### 2. Chi thường xuyên:

Dự toán giao 660 tỷ 647 triệu đồng, ước thực hiện 797 tỷ 933 triệu đồng, đạt 120,8% dự toán, tăng 26,9% so với thực hiện năm 2019. Trong đó:

2.1. *Chi quốc phòng*: Dự toán giao 6 tỷ 20 triệu đồng, ước thực hiện 6 tỷ 910 triệu đồng, đạt 114,8% dự toán, giảm 5,2% so với thực hiện năm 2019.

2.2. *Chi an ninh*: Dự toán giao 1 tỷ 589 triệu đồng, ước thực hiện 2 tỷ 290 triệu đồng, đạt 144,1% dự toán, giảm 22,2% so với thực hiện năm 2019.

2.3. *Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề*: Dự toán giao 403 tỷ 135 triệu đồng, ước thực hiện 421 tỷ 292 triệu đồng, đạt 104,5% dự toán, tăng 4,5% so với thực hiện năm 2019.

2.4. *Chi sự nghiệp khoa học công nghệ*: Dự toán giao 600 triệu đồng, ước thực hiện 623 triệu đồng, đạt 103,8% dự toán, tăng 16,7% so với thực hiện năm 2019.

2.5. *Chi sự nghiệp y tế*: Dự toán giao 1 tỷ 526 triệu đồng, ước thực hiện 1 tỷ 952 triệu đồng, đạt 127,9% dự toán, tăng 26,8% so với thực hiện năm 2019.

2.6. *Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin*: Dự toán giao 3 tỷ 680 triệu đồng, ước thực hiện 3 tỷ 624 triệu đồng, đạt 98,5% dự toán, giảm 29% so với thực hiện năm 2019.

2.7. *Chi sự nghiệp truyền thanh - truyền hình*: Dự toán giao 2 tỷ 46 triệu đồng, ước thực hiện 2 tỷ 88 triệu đồng, đạt 102,1% dự toán, giảm 20,6% so với thực hiện năm 2019.

2.8. *Chi sự nghiệp thể thao*: Dự toán giao 374 triệu đồng, ước thực hiện 388 triệu đồng, đạt 103,7% dự toán, tăng 9,9% so với thực hiện năm 2019.

2.9. *Chi sự nghiệp môi trường*: Dự toán giao 2 tỷ 500 triệu đồng, ước thực hiện 2 tỷ 837 triệu đồng, đạt 113,5% dự toán, tăng 13,5% so với thực hiện năm 2019.

2.10. *Chi sự nghiệp kinh tế*: Dự toán giao 95 tỷ 556 triệu đồng, ước thực hiện 157 tỷ 748 triệu đồng, đạt 165,1% dự toán, tăng 107,2% so với thực hiện năm 2019.

2.11. *Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể*: Dự toán giao 116 tỷ 416 triệu đồng, ước thực hiện 123 tỷ 130 triệu đồng, đạt 105,8% dự toán, tăng 20,7% so với thực hiện năm 2019.

2.12. *Chi bảo đảm xã hội*: Dự toán giao 24 tỷ 90 triệu đồng, ước thực hiện 74 tỷ 951 triệu đồng, đạt 311,1% dự toán, tăng 205,7% so với thực hiện năm 2019.

2.13. *Chi khác*: Dự toán giao 3 tỷ 115 triệu đồng, ước thực hiện 3 tỷ 115 triệu đồng (trong đó: Phân bổ cho các lĩnh vực chi là 3 tỷ 15 triệu đồng và hỗ trợ cho các đơn vị ngoài ngân sách đóng trên địa bàn 100 triệu đồng).

### **3. Dự phòng ngân sách:**

Dự toán giao 12 tỷ 432 triệu đồng, ước thực hiện 12 tỷ 432 triệu đồng, đạt 100% dự toán (phân bổ cho các sự nghiệp trên).

### **II. Chi chương trình mục tiêu quốc gia**

Dự toán giao 138 tỷ 988 triệu đồng, ước thực hiện 156 tỷ 157 triệu đồng, đạt 112,4% dự toán, tăng 85,5% so với thực hiện năm 2019. Bao gồm:

#### **1. Chi chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:**

Dự toán giao 63 tỷ 156 triệu đồng, ước thực hiện 79 tỷ 267 triệu đồng, đạt 125,5% dự toán, tăng 72,4% so với thực hiện năm 2019.

#### **2. Chi chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:**

Dự toán giao 75 tỷ 832 triệu đồng, ước thực hiện 76 tỷ 890 triệu đồng, đạt 101,4% dự toán, tăng 101,2% so với thực hiện năm 2019.

### **III. Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ khác**

Dự toán giao 9 tỷ 769 triệu đồng, ước thực hiện 11 tỷ 69 triệu đồng, đạt 113,3% dự toán, tăng 68,6% so với thực hiện năm 2019.

### **IV. Chi trả ngân sách cấp trên**

Ước thực hiện 3 tỷ 155 triệu đồng.

### **V. Chi chuyển nguồn**

Ước thực hiện 30 tỷ 625 triệu đồng.

## **C. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU, CHI NSDP NĂM 2020**

### **I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ**

#### **1. Về công tác quản lý, chỉ đạo**

- Về thu ngân sách:

+ UBND huyện đã chỉ đạo Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện, Chi cục Thuế, các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn bám sát các văn

bản hướng dẫn tổ chức thực hiện dự toán ngân sách năm 2020 để triển khai thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách theo dự toán được giao; tăng cường biện pháp quản lý thu ngân sách, công tác tuyên truyền, hỗ trợ cho đối tượng nộp thuế, minh bạch các chính sách thuế, tạo thuận lợi cho người nộp thuế; đẩy mạnh công tác quản lý, khai thác các nguồn thu. Thường xuyên họp đánh giá kết quả thu và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tăng cường trách nhiệm, thực hiện tốt công tác phối hợp, đôn đốc thu hồi nợ đọng và phấn đấu thu vượt dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

+ Tổ chức Hội nghị quán triệt, bàn các giải pháp điều hành phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách địa phương chỉ đạo cơ quan, đơn vị tích cực triển khai thực hiện dự toán thu ngân sách và quyết tâm phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch huyện giao.

- Về chi ngân sách:

+ Các cơ quan chức năng tham mưu cho UBND huyện chủ động điều hành ngân sách theo quy định; tăng cường các biện pháp quản lý chi ngân sách chặt chẽ trong phạm vi dự toán được giao.

+ Đảm bảo kinh phí đầy đủ, kịp thời để chi trả chế độ tiền lương và phụ cấp đối với cán bộ, công chức, chính sách an sinh xã hội đối với người có công, gia đình chính sách; kinh phí mua thẻ Bảo hiểm y tế cho người cao tuổi, người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và một số nhiệm vụ khác.

## **2. Kết quả đạt được cụ thể**

### **2.1. Về nhiệm vụ thu ngân sách**

Tổng thu ngân sách địa phương ước thực hiện 1.024 tỷ 843 triệu đồng, đạt 121,8% dự toán; thu ngân sách tăng do tỉnh bổ sung dự toán có mục tiêu trong năm để thực hiện các nhiệm vụ, chính sách và tăng thu từ nguồn đất giá đất trên địa bàn huyện.

Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước thực hiện 57 tỷ 950 triệu đồng, đạt 102,4% dự toán, trong đó thu ngân sách huyện hưởng ước thực hiện 55 tỷ 594 triệu đồng triệu đồng, đạt 103,8% dự toán.

Về thu ngân sách trên địa bàn các xã, thị trấn: Dự ước 19 xã, thị trấn cơ bản hoàn thành dự toán giao năm 2020. Kết quả thu của các xã, thị trấn đã góp phần hoàn thành vượt mức nhiệm vụ thu trên địa bàn của huyện và đáp ứng nhu cầu chi của địa phương.

### **2.2. Về chi ngân sách và quản lý điều hành nhiệm vụ chi ngân sách**

Chi ngân sách địa phương năm 2020 ước thực hiện 1.024 tỷ 843 triệu đồng, đạt 121,8% dự toán, cơ bản đáp ứng thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo.

Đã đảm bảo kinh phí hoạt động của các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông, thủy lợi, hoạt động kiến thiết; Đáp ứng cơ bản nhiệm vụ dạy và học

của sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo kể cả đào tạo nghề cho lao động nông thôn; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho cán bộ, giáo viên và học sinh; giải quyết cơ bản các chính sách về an sinh xã hội góp phần ổn định chính trị, xã hội của địa phương.

Các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn đã nhận thức đầy đủ về chính sách tài chính chặt chẽ, triệt để tiết kiệm; đã làm tốt công tác rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi đảm bảo thực hiện đúng chế độ chính sách, đúng dự toán được duyệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc có hiệu quả các biện pháp chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng; thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, chi hoạt động của đơn vị sự nghiệp công, nhất là các khoản chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, chi phí khánh tiết, hội nghị, hội thảo, lễ hội, lễ kỷ niệm, công tác phí trong nước.

## **II. Về các dự án, công trình đầu tư**

- Kế hoạch vốn giao năm 2020: 323,1 tỷ đồng.
- Giá trị khối lượng thực hiện ước đạt: 365,7 tỷ đồng.
- Giá trị thanh toán giải ngân ước đạt: 323,1 tỷ đồng (đạt 100% KH vốn).

## **III. Tình hình quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành**

1. Tổng số dự án, công trình hoàn thành đã được thẩm tra, phê duyệt quyết toán: 73 dự án, công trình.

*Trong đó:*

- + Số dự án, công trình thuộc cấp tỉnh phê duyệt là 13 công trình, dự án.
- + Số dự án, công trình thuộc cấp huyện phê duyệt là 60 công trình, dự án.

2. Tổng số dự án, công trình đã hoàn thành chưa thẩm tra, phê duyệt quyết toán: 30 dự án, công trình.

*- Trong đó:*

+ Đối với cấp tỉnh là: 18 dự án, công trình (Số dự án, công trình đã hoàn thành chưa gửi cơ quan thẩm tra, phê duyệt là 5 dự án, công trình. Số dự án, công trình hoàn thành đã gửi cơ quan thẩm tra nhưng chưa được phê duyệt quyết toán là 13 dự án, công trình).

+ Đối với cấp huyện là: 12 dự án, công trình (Số dự án, công trình đã hoàn thành chưa gửi cơ quan thẩm tra, phê duyệt là 7 dự án, công trình. Số dự án, công trình hoàn thành đã gửi cơ quan thẩm tra nhưng chưa được phê duyệt quyết toán là 5 dự án, công trình).

## **IV. Một số tồn tại, hạn chế**

### **1. Về thu ngân sách**

Về cơ bản ước thực hiện các chỉ tiêu thu đều đạt và vượt dự toán giao vẫn còn một số khoản thu không hoàn thành kế hoạch: Thuế tài nguyên (91,7%), thu cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn thị trấn (50%).

## 2. Về chi ngân sách

Tiến độ triển khai, giải ngân vốn sự nghiệp và các chính sách do xã được giao nhiệm vụ chi còn lúng túng, có nơi có lúc chưa kịp thời.

## 3. Về quyết toán công trình hoàn thành

Công tác lập hồ sơ đề nghị quyết toán công trình hoàn thành của các chủ đầu tư chưa được quan tâm đúng mức; tiến độ thẩm định một số hồ sơ quyết toán của phòng Tài chính - Kế hoạch còn chậm.

## V. Nguyên nhân

- Thủy điện Long tạo chưa đi vào hoạt động, chưa phát điện nên không có nguồn thu thuế tài nguyên.

- Thị trường bất động sản trầm lắng nên nhu cầu chuyển nhượng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất giảm mạnh.

- Do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến sản xuất và kinh doanh, việc làm ảnh hưởng đến thu nhập của các doanh nghiệp và người dân trên địa bàn.

## PHẦN THỨ HAI

### DỰ TOÁN VÀ PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NSDP NĂM 2021

Thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30/7/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 3 năm 2021 – 2023.

Nội dung, phương án phân bổ chi ngân sách địa phương và các giải pháp về đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thu, chi ngân sách địa phương năm 2021 như sau:

#### A. NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ

##### I. Về thu ngân sách

Dự toán thu ngân sách được xây dựng theo Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020; Quyết định số /12/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu chi ngân sách địa phương năm 2021.

##### II. Về chi ngân sách

- Dự toán chi ngân sách địa phương được xây dựng theo nguyên tắc tiêu chí về dân số và định mức tỷ lệ ban hành tại Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương quy định cho thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020;

Quyết định số      ngày      /12/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu chi ngân sách địa phương năm 2021.

- Phân bổ dự toán chi ngân sách cho các đơn vị dự toán, các xã thị trấn theo đúng quy định của Luật ngân sách. Căn cứ theo nguyên tắc: chi lương và các khoản đóng góp theo số lượng biên chế và hệ số lương thực tế có mặt đến 31/12/2019, với mức lương cơ sở 1.490.000 đồng

- Định mức chi thường xuyên khác:

- + Các đơn vị hành chính, đảng, đoàn thể là 25 triệu đồng/01 biên chế;
- + Sự nghiệp văn hóa và thông tin; Sự nghiệp thể dục - thể thao; Sự nghiệp truyền thanh truyền hình: 21 triệu đồng/01 biên chế;
- + Sự nghiệp kinh tế:
- + Trung tâm Quản lý đất đai: 16 triệu đồng/01 biên chế.
- + Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp: 19 triệu đồng/01 biên chế.
- + Sự nghiệp đào tạo (Trung tâm GDNN-GDTX: 10 triệu đồng/01 biên chế).
- + Đối với ngân sách xã đảm bảo chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương là 80%, chi thường xuyên khác là 20% (chi khác tính theo lương 1.210.000 đồng thời kỳ đầu ổn định ngân sách 2017-2020).

Trong đó đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên không bao gồm tiền lương và các khoản theo lương để thực hiện cải cách tiền lương.

- Đối với nội dung chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất: Sử dụng 10% số thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011, Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 04/04/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 22/4/2013 của UBND tỉnh. Đối với 90% số thu còn lại sử dụng chi đầu tư cho các công trình, dự án.

- Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề; Vốn hỗ trợ nông nghiệp; Sự nghiệp khoa học công nghệ; chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; chính sách miễn thu thủy lợi phí; sự nghiệp môi trường và các chính sách an sinh xã hội đảm bảo dự toán chi không thấp hơn mức dự toán chi UBND tỉnh giao.

- Đối với chi chương trình mục tiêu: Phân bổ theo số tỉnh giao cho từng chương trình mục tiêu.

**B. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021:** (Chi tiết biểu số 01 kèm theo)

Tổng thu ngân sách địa phương 683 tỷ 486 triệu đồng. Chi tiết như sau:

**I. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:** 53 tỷ đồng, trong đó thu ngân sách huyện được hưởng: 50 tỷ 200 triệu đồng. Bao gồm:

1. Thuế ngoài quốc doanh: 22 tỷ 700 triệu đồng.



2. Lệ phí trước bạ: 5 tỷ 500 triệu đồng.
3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 50 triệu đồng.
4. Thuế thu nhập cá nhân: 1 tỷ 700 triệu đồng.
5. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: 100 triệu đồng.
6. Phí và lệ phí: 1 tỷ 300 triệu đồng.
7. Thu tiền sử dụng đất: 20 tỷ đồng.
8. Thu khác ngân sách: 1 tỷ 600 triệu đồng.
9. Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản: 50 triệu đồng.

**II. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 633 tỷ 286 triệu đồng, trong đó:**

1. Bổ sung cân đối: 633 tỷ 248 triệu đồng.
2. Bổ sung có mục tiêu: 38 triệu đồng.

**C. DỰ TOÁN VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NSDP 2021:**

*(Chi tiết biểu số 02 kèm theo)*

Tổng chi ngân sách địa phương: 683 tỷ 486 triệu đồng, phân bổ chi tiết như sau:

**I. Chi cân đối ngân sách: 683 tỷ 448 triệu đồng**

**1. Chi đầu tư phát triển: 38 tỷ 659 triệu đồng.**

- Đầu tư từ nguồn cân đối ngân sách địa phương: 22 tỷ 234 triệu đồng.
- Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 16 tỷ 425 triệu đồng.

**2. Chi thường xuyên: 632 tỷ 755 triệu đồng. Bao gồm:**

- 2.1. Chi quốc phòng: 6 tỷ 363 triệu đồng.
  - 2.2. Chi an ninh: 2 tỷ 613 triệu đồng.
  - 2.3. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 400 tỷ 105 triệu đồng.
  - 2.4. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: 600 triệu đồng.
  - 2.5. Chi sự nghiệp y tế: 1 tỷ 616 triệu đồng.
  - 2.6. Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin: 3 tỷ 95 triệu đồng.
  - 2.7. Chi sự nghiệp truyền thanh - truyền hình: 5 tỷ 523 triệu đồng.
  - 2.8. Chi sự nghiệp thể dục - thể thao: 956 triệu đồng.
  - 2.9. Chi sự nghiệp môi trường: 2 tỷ 500 triệu đồng.
  - 2.10. Chi sự nghiệp kinh tế: 77 tỷ 341 triệu đồng.
  - 2.11. Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể: 104 tỷ 845 triệu đồng.
  - 2.12. Chi lương hưu và đảm bảo xã hội: 24 tỷ 776 triệu đồng.
  - 2.13. Chi khác ngân sách: 2 tỷ 422 triệu đồng.
- 3. Dự phòng ngân sách: 12 tỷ 034 triệu đồng.**

## **II. Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ khác: 38 triệu đồng**

### **1. Vốn sự nghiệp: 38 triệu đồng.**

- Kinh phí thực hiện đảm bảo trật tự ATGT: 38 triệu đồng.

## **PHẦN THỨ BA**

### **BIỆN PHÁP QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH DỰ TOÁN NSDP NĂM 2021**

#### **I. Về thu ngân sách**

Dự toán thu năm 2021 giao cho các đơn vị là mức tối thiểu; các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế trên từng địa bàn, kết quả thu đã thực hiện năm 2020 và các chế độ, chính sách hiện hành phấn đấu khai thác mọi nguồn thu và chống thất thu ngân sách Nhà nước, đảm bảo mức phấn đấu cao hơn dự toán thu ngân sách UBND huyện giao. Trước mắt cần tập trung chỉ đạo tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Các cơ quan, đơn vị được giao chỉ tiêu, nhiệm vụ thu, tiến hành tổ chức rà soát, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách 2020, làm rõ những tồn tại, nguyên nhân, những khoản còn nợ đọng, các khoản thu còn bỏ sót, đề ra những giải pháp tích cực, tăng cường công tác quản lý, điều hành thu, tổ chức thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu theo chính sách, pháp luật thuế, nhằm đảm bảo thực hiện vượt mức chỉ tiêu thu ngân sách được cấp có thẩm quyền giao năm 2021.

2. Cơ quan Thuế cần tăng cường phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng (Công an, Quản lý thị trường) đẩy mạnh công tác chống buôn lậu, chống hàng giả, gian lận thương mại đặc biệt là trước, trong và sau dịp tết Nguyên Đán... kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm; đôn đốc các cơ quan, đơn vị thu hồi kịp thời các khoản thu theo kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm toán; theo dõi, phân loại các khoản nợ, đôn đốc, xử lý các khoản nợ đọng theo quy định của Luật xử lý nợ đọng thuế, tích cực phối hợp với các cơ quan tổng hợp, các cơ quan trong hệ thống, các chủ đầu tư để nắm bắt tình hình thanh toán của các doanh nghiệp, có biện pháp thu nợ kịp thời. Tăng cường theo dõi kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân nhằm phát hiện ngay các trường hợp kê khai không đúng, không đủ số thuế để chấn chỉnh kịp thời, chống thất thu thuế.

3. Trung tâm văn hóa - truyền thanh và truyền hình, phòng Văn hóa và Thông tin phối hợp với các cơ quan, đơn vị đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, từng bước nâng cao ý thức tuân thủ, tự giác trong việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định pháp luật về thuế.

4. Đẩy mạnh tiến độ thực hiện và giải ngân các nguồn vốn đầu tư để nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn, tăng nguồn thu cho ngân sách.

5. Thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, cấp GCNQSD đất; tạo quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất, tăng nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng.

6. Các cơ quan chức năng tăng cường công tác quản lý, theo dõi các hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng phục vụ thi công các dự án, công trình để tăng nguồn thu từ thuế tài nguyên.

7. Thực hiện các quy định về ưu đãi, khuyến khích đầu tư, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh thuận lợi, hiệu quả và nộp thuế cho nhà nước.

## **II. Về tổ chức điều hành nhiệm vụ chi ngân sách**

### **1. Nhiệm vụ chi đầu tư**

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản trên cơ sở kế hoạch vốn giao, đảm bảo theo quy định. Trong quá trình thực hiện, giao Phòng Tài chính và Kế hoạch chủ trì phối hợp với Kho bạc nhà nước huyện và các đơn vị có liên quan định kỳ rà soát lại các dự án, công trình đã được bố trí kế hoạch vốn nhưng không có khả năng giải ngân báo cáo UBND huyện trình Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực HĐND huyện điều chuyển sang cho các dự án đã có khối lượng hoàn thành nhưng chưa được bố trí đủ vốn, hạn chế việc hủy bỏ vốn.

- Kho bạc nhà nước huyện tiếp tục tập trung, bám sát, triển khai hiệu quả các văn bản quy định, hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ thanh toán; tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thanh quyết toán ngân sách góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ tại địa phương.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng khảo sát giá vật liệu xây dựng sát với tình hình thực tế của huyện gửi Sở Tài chính; căn cứ công giá của Sở Tài chính trong công tác thẩm định nhằm tránh lãng phí trong quản lý chi phí của các dự án đầu tư.

- Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn được giao nhiệm vụ chủ đầu tư đẩy mạnh công tác lập quyết toán dự án hoàn thành trình thẩm định và phê duyệt theo đúng quy định.

### **2. Nhiệm vụ chi thường xuyên**

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết của Chính phủ và Chương trình hành động của tỉnh về tổ chức thực hiện dự toán chi đúng chế độ chính sách, trên tinh thần triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, chi cho bộ máy quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công. Rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi chuyển nguồn, chỉ chuyển nguồn các khoản chi thực sự cần thiết theo quy định của pháp luật, kiên quyết không thực hiện việc chuyển nguồn đối với các nhiệm vụ do chủ quan các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện chậm.

- Đối với chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định. Trong đó chi mua sắm máy móc, thiết bị theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh Điện Biên.

- Trong chi tiêu thường xuyên: Giảm tối đa cả về số lượng và quy mô tổ chức lễ hội, hội nghị, hội thảo, tổng kết, khởi công, tiếp khách; hạn chế bố trí kinh phí đi nghiên cứu, học tập kinh nghiệm và các nhiệm vụ không cần thiết, cấp bách khác; thực hành tiết kiệm chi thường xuyên gắn liền với cải cách hành chính, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, nhưng vẫn đảm bảo thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị được huyện giao.

- Phòng Tài chính và Kế hoạch có trách nhiệm theo dõi sát tình hình thu, chi ngân sách địa phương, trong đó ưu tiên dành nguồn để xử lý các nhu cầu bức thiết về an sinh xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh.

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thực hiện đúng quy trình, khẩn trương rà soát, quyết định công nhận các đối tượng được thụ hưởng chính sách, đảm bảo các hồ sơ thủ tục thanh toán để trong thời gian sớm nhất các chính sách được thực hiện đúng đối tượng, khách quan và công bằng. Đặc biệt là việc thực hiện chính sách an sinh xã hội cho các đối tượng là người nghèo, hộ nghèo theo quy định của Chính phủ.

### **III. Quản lý điều hành ngân sách**

- Tổ chức điều hành dự toán ngân sách:

+ Nếu vượt thu (phần ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp) so với dự toán cấp trên giao, sử dụng tối thiểu 70% (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất) để tăng nguồn thực hiện cải cách tiền lương.

+ Nếu giảm thu so với dự toán được giao, các cơ quan đơn vị, UBND các xã, thị trấn xây dựng phương án điều chỉnh để sắp xếp, giảm chi tương ứng, tập trung cắt giảm đình hoãn những nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết.

+ Tăng cường quản lý chi cho đầu tư xây dựng; chi cho chương trình mục tiêu quốc gia; mục tiêu nhiệm vụ khác các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn cần kịp thời tháo gỡ khó khăn tồn tại đẩy nhanh tiến độ giải ngân. Những dự án thực hiện không đảm bảo đúng tiến độ cần sớm điều chỉnh, chuyển vốn cho những dự án có khả năng hoàn thành để phát huy hiệu quả sử dụng nguồn vốn được giao.

+ Chấp hành chế độ báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách theo quy định.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chế độ tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện đánh giá, phân loại các đơn vị sự nghiệp để có cơ chế chính sách tài chính phù hợp.

### **IV. Đẩy mạnh cải cách hành chính và nâng cao hiệu lực và hiệu quả của bộ máy nhà nước:**

- Thực hiện các trình tự thủ tục cải cách hành chính đã ban hành, đơn giản hoá thủ tục trong các lĩnh vực có liên quan đến doanh nghiệp và người dân, đã được UBND tỉnh ban hành cụ thể đối với các cấp các ngành; thực hiện tốt các quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015.

- Thực hiện tốt việc công khai dự toán 2021 và quyết toán thu, chi ngân sách năm 2020 ở các cấp ngân sách và tất cả các đơn vị dự toán theo đúng quy định về thời gian, nội dung của Nhà nước đã ban hành.

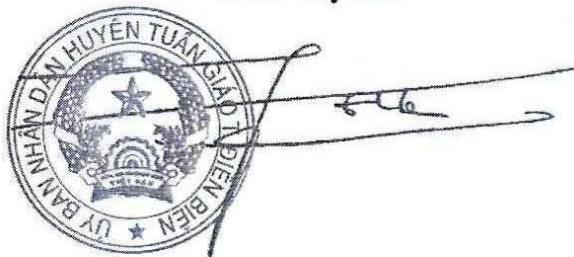
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng ngân sách, tài sản của nhà nước ở các đơn vị sử dụng ngân sách. Công khai kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và kết quả xử lý của các cơ quan, đơn vị, các quỹ tài chính. Phối kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan kiểm tra để tránh chồng chéo trong thanh tra, kiểm tra cũng như tránh bỏ sót đối tượng cần kiểm tra. Đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng không để thất thoát ngân sách.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách địa phương năm 2020; dự toán và phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2021 và một số biện pháp quản lý điều hành dự toán năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo, trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính tỉnh Điện Biên;
- TT Huyện ủy (b/c);
- Ban thường vụ HU (b/c);
- TT HĐND huyện;
- LĐ UBND huyện;
- Các ban HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Vũ Văn Đức**

**ĐÁNH GIÁ DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2020 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2021**  
(Kèm theo Báo cáo số 496 /BC-UBND ngày 10 /12/2020 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2019	Dự toán giao đầu năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh (%)		
						Ư' TH 2020/TH 2019	Ư' TH 2020/DT 2020	DT 2021/DT 2020
1	2	3	4	5	6	7=5/3	8=5/4	9=6/4
<b>A</b>	<b>THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>42.642,8</b>	<b>56.600,0</b>	<b>57.950,0</b>	<b>53.000,0</b>	<b>135,9%</b>	<b>102,4%</b>	<b>93,6%</b>
1	Thu từ khu vực CTN-ngoài quốc doanh	21.848,4	23.500,0	23.500,0	22.700,0	107,6%	100,0%	96,6%
	- Thuế GTGT	10.026,0	10.400,0	11.400,0	9.950,0	113,7%	109,6%	95,7%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.420,3	1.000,0	1.000,0	1.000,0	70,4%	100,0%	100,0%
	- Thuế tài nguyên	10.402,1	12.100,0	11.100,0	11.750,0	106,7%	91,7%	97,1%
2	Lệ phí trước bạ	6.056,7	4.600,0	5.500,0	5.500,0	90,8%	119,6%	119,6%
3	Thuế SD đất phi nông nghiệp	93,2	70,0	90,0	50,0	96,6%	128,6%	71,4%
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.767,6	1.800,0	1.800,0	1.700,0	101,8%	100,0%	94,4%
5	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	503,5	100,0	130,0	100,0	25,8%	130,0%	100,0%
6	Phí và lệ phí	1.884,0	1.200,0	1.200,0	1.300,0	63,7%	100,0%	108,3%
	Tr.đó: + Phí BVMT khai thác khoáng sản	823,6	600,0	600,0	400,0	72,9%	100,0%	66,7%
	+ Phí, lệ phí do cơ quan TW, tỉnh thực hiện	174,6		306,0		175,3%		
7	Thu tiền sử dụng đất	8.898,6	23.600,0	24.000,0	20.000,0	269,7%	101,7%	84,7%
	- Thu cấp quyền SD đất	4.847,6	2.000,0	1.000,0	2.000,0	20,6%	50,0%	100,0%
	Trong đó: + Trên địa bàn thị trấn	3.830,6	2.000,0	1.000,0	1.750,0	26,1%	50,0%	87,5%
	+ Trên địa bàn các xã	1.017,0			250,0	0,0%		
	- Thu từ đấu giá đất	4.051,0	21.600,0	23.000,0	18.000,0	567,8%	106,5%	83,3%
8	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	30,0	30,0	30,0		100,0%	100,0%	0,0%
9	Thu khác ngân sách	1.405,1	1.600,0	1.600,0	1.600,0	113,9%	100,0%	100,0%
	- Thu NSTW, tỉnh hưởng	913,0	1.050,0	1.050,0	1.050,0	115,0%	100,0%	100,0%
	- Thu NS huyện hưởng	492,1	550,0	550,0	550,0	111,8%	100,0%	100,0%
10	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi CS	155,7	100,0	100,0	50,0	64,2%	100,0%	50,0%
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>841.132,0</b>	<b>841.276,0</b>	<b>1.024.843,0</b>	<b>683.486,0</b>	<b>121,8%</b>	<b>121,8%</b>	<b>81,2%</b>
1	Thu NS huyện hưởng theo phân cấp	37.871,6	53.550,0	55.594,0	50.200,0	146,8%	103,8%	93,7%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	749.427,6	787.726,0	853.504,0	633.286,0	113,9%	108,4%	80,4%
	- Bổ sung cân đối	573.482,0	638.969,0	638.969,0	633.248,0	111,4%	100,0%	99,1%
	- Bổ sung có mục tiêu	175.945,6	148.757,0	214.535,0	38,0	121,9%	144,2%	
3	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	4,2		2.562,0				
4	Thu chuyển nguồn	53.415,9		113.019,0		211,6%		
5	Thu kết dư	412,6		164,0		39,7%		

## ĐÁNH GIÁ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 496 /BC-UBND ngày 10 /12/2020 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2019	Dự toán giao đầu năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh (%)		
						U' TH 2020/TH 2019	U' TH 2020/DT 2020	DT 2021/DT 2020
1	2	3	4	5	6	7=5/3	8=5/4	9=6/4
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	840.968,1	841.276,0	1.024.843,0	683.486,0	121,8%	121,8%	81,2%
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH</b>	635.926,9	692.519,0	823.837,0	683.448,0	129,5%	119,0%	98,7%
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	6.953,8	19.440,0	25.904,0	38.659,0	372,5%	133,3%	198,9%
1	Đầu tư từ nguồn cân đối ngân sách địa phương				22.234,0			
2	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	6.803,8	19.440,0	24.604,0	16.425,0	361,6%	126,6%	84,5%
3	Đầu tư từ nguồn của Cty Phúc Sơn hỗ trợ gia đình có công với CM	150,0						
4	Đầu tư từ nguồn tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết			1.300,0				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	628.973,1	660.647,0	797.933,0	632.755,0	126,9%	120,8%	95,8%
<b>1</b>	<b>Quốc phòng</b>	7.288,6	6.020,0	6.910,0	6.363,0	94,8%	114,8%	105,7%
<b>2</b>	<b>An ninh</b>	2.945,0	1.589,0	2.290,0	2.613,0	77,8%	144,1%	164,4%
<b>3</b>	<b>SN giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	403.068,6	403.135,0	421.292,0	400.105,0	104,5%	104,5%	99,2%
3.1	SN giáo dục	394.924,4	396.236,0	413.857,0	393.065,0	104,8%	104,4%	99,2%
	Trong đó: - Hỗ trợ HSBT theo NĐ 116	24.615,0	24.155,0	28.711,0	22.752,0	116,6%	118,9%	94,2%
	- HT theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP	8.421,7	8.514,0	9.093,0	8.330,0	108,0%	106,8%	97,8%
	- HT thực hiện chính sách theo NĐ 86	12.505,4	11.575,0	12.459,0	8.374,0	99,6%	107,6%	72,3%
	- Hỗ trợ học sinh khuyết tật (TT42)	4.216,2	5.396,0	6.483,0	4.645,0	153,8%	120,1%	86,1%
	- Hỗ trợ HS rất ít người theo NĐ 57	18,0	14,0	14,0	14,0	77,8%	100,0%	100,0%
3.2	SN đào tạo và dạy nghề	8.144,2	6.899,0	7.435,0	7.040,0	91,3%	107,8%	102,0%
	Trong đó: - Đào tạo trung tâm chính trị	1.079,7	785,0	785,0	1.018,0	72,7%	100,0%	129,7%
	- Trung tâm GDNN-GDTX	2.288,5	2.211,0	2.222,0	2.613,0	97,1%	100,5%	118,2%
	- Trung tâm học tập cộng đồng xã	664,3	342,0	342,0	706,0	51,5%	100,0%	206,4%
	- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	2.729,4	2.179,0	2.179,0	2.048,0	79,8%	100,0%	94,0%
	- Hỗ trợ đào tạo lại CBCC	914,8	629,0	1.165,0	655,0	127,3%	185,2%	104,1%
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học công nghệ</b>	534,0	600,0	623,0	600,0	116,7%	103,8%	100,0%
<b>5</b>	<b>SN y tế</b>	1.539,0	1.526,0	1.952,0	1.616,0	126,8%	127,9%	105,9%
	- Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	220,0	200,0	200,0	220,0	90,9%	100,0%	110,0%
	- BHYT cho đối tượng BTXH	1.179,0	1.178,0	1.254,0	1.231,0	106,4%	106,5%	104,5%
	- BHYT cho CCB, TNXP, QĐ 62, ...	140,0	148,0	148,0	165,0	105,7%	100,0%	111,5%
<b>6</b>	<b>SN Văn hóa &amp; TT</b>	5.102,4	3.680,0	3.624,0	3.095,0	71,0%	98,5%	84,1%
<b>7</b>	<b>SN truyền thanh TH</b>	2.628,2	2.046,0	2.088,0	5.523,0	79,4%	102,1%	269,9%
<b>8</b>	<b>SN thể dục thể thao</b>	353,1	374,0	388,0	956,0	109,9%	103,7%	255,6%
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp môi trường</b>	2.500,0	2.500,0	2.837,0	2.500,0	113,5%	113,5%	100,0%
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	76.131,7	95.556,0	157.748,0	77.341,0	207,2%	165,1%	80,9%
10.1	SN nông nghiệp	11.252,2	9.524,0	10.303,0	10.557,0	91,6%	108,2%	110,8%
	Trong đó: - HT sản xuất nông nghiệp	1.995,8	2.000,0	2.147,0	2.000,0	107,6%	107,4%	100,0%
	- Tiêm, phun phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản	1.172,0	500,0	1.200,0	1.350,0	102,4%	240,0%	270,0%
	- HT cán bộ thú y; Khuyến nông xã	1.782,0	2.016,0	2.016,0	1.984,0	113,1%	100,0%	98,4%

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2019	Dự toán giao đầu năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh (%)		
						U' TH 2020/TH 2019	U' TH 2020/DT 2020	DT 2021/DT 2020
1	2	3	4	5	6	7=5/3	8=5/4	9=6/4
	- CS bảo vệ và PT đất trồng lúa	6.212,7	5.008,0	5.639,0	5.223,0	90,8%	112,6%	104,3%
10.2	SN giao thông	43.447,3	65.669,0	100.891,0	44.410,0	232,2%	153,6%	67,6%
10.3	SN thủy lợi	12.073,4	7.439,0	16.276,0	8.961,0	134,8%	218,8%	120,5%
	Trong đó: Miễn thu thủy lợi phí	2.367,5	2.058,0	4.174,0	2.361,0	176,3%	202,8%	114,7%
10.4	SN kinh tế khác	9.358,8	12.924,0	30.278,0	13.413,0	323,5%	234,3%	103,8%
	Trong đó: - Tiền điện và SC, duy tu, bảo dưỡng đường điện, bóng điện, quét vôi cắt tia cây xanh	455,0	425,0	560,0	580,0	123,1%	131,8%	136,5%
	- Quy hoạch, kế hoạch, quản lý đất đai, cấp GCNQSD đất	101,4	2.163,0	2.163,0	1.825,0	2133,1%	100,0%	84,4%
	- Quỹ hỗ trợ Nông dân	100,0		100,0	100,0	100,0%		
	- Vốn ủy thác cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác	200,0		300,0	300,0	150,0%		
11	Quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể	101.993,3	116.416,0	123.130,0	104.845,0	120,7%	105,8%	90,1%
12	Chi bảo đảm xã hội	24.521,8	24.090,0	74.951,0	24.776,0	305,7%	311,1%	102,8%
	Trong đó: - Chính sách BTXH theo NĐ 136	12.999,9	15.186,0	15.397,0	15.795,0	118,4%	101,4%	104,0%
	- Mừng thọ, chúc thọ	236,3	382,0	382,0	295,0	161,7%	100,0%	77,2%
	- Trợ cấp hưu cán bộ xã	1.296,9	1.388,0	1.388,0	1.297,0	107,0%	100,0%	93,4%
	- Hỗ trợ hộ nghèo tiền điện	5.364,0	4.534,0	5.724,0	4.130,0	106,7%	126,2%	91,1%
	- Người có uy tín	141,4		172,0	139,0	121,6%		
	- HT người dân bị tác động của dịch Covid-19			40.825,0				
	- Các hoạt động TX của ĐBXXH	3.033,3	2.600,0	3.654,0	3.120,0	120,5%	140,5%	120,0%
13	Chi khác ngân sách	367,4	3.115,0	100,0	2.422,0	27,2%	100,0%	77,8%
IV	Dự phòng ngân sách		12.432,0		12.034,0			96,8%
B	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG	84.193,0	138.988,0	156.157,0	0,0	185,5%	112,4%	
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững	45.969,7	63.156,0	79.267,0	0,0	172,4%	125,5%	
a	Vốn đầu tư	32.245,8	47.926,0	64.037,0	0,0	198,6%	133,6%	
	- Chương trình 135	14.598,3	20.851,0	25.438,0		174,3%	122,0%	
	- Chương trình 293, 275	17.647,5	27.075,0	38.599,0		218,7%	142,6%	
b	Vốn sự nghiệp	13.723,9	15.230,0	15.230,0	0,0	111,0%	100,0%	
*	Dự án 1: Chương trình 293	7.076,9	7.919,0	7.919,0	0,0	111,9%	100,0%	
	- Tiêu DA1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo (Duy tu, bảo dưỡng)	1.085,8	1.600,0	1.600,0		147,4%	100,0%	
	- Tiêu DA3: HT phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo	5.874,6	5.919,0	5.919,0		100,8%	100,0%	
	- Tiêu DA4: HT lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào DTTS đi làm việc có thời hạn ở NN	116,5	400,0	400,0		343,3%	100,0%	
*	Dự án 2: Chương trình 135	6.403,2	6.978,0	6.978,0	0,0	109,0%	100,0%	
	- Tiêu DA1: Hỗ trợ đầu tư CSHT cho các xã ĐBKK, xã biên giới; các thôn bản ĐBKK (Duy tu, bảo dưỡng)	1.419,0	1.680,0	1.680,0		118,4%	100,0%	



STT	Nội dung	Thực hiện năm 2019	Dự toán giao đầu năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh (%)		
						ƯTH 2020/TH 2019	ƯTH 2020/DT 2020	DT 2021/DT 2020
1	2	3	4	5	6	7=5/3	8=5/4	9=6/4
	- Tiêu DA2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã ĐBK, xã biên giới; các thôn, bản ĐBK	4.984,2	5.298,0	5.298,0		106,3%	100,0%	
*	Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	114,0	181,0	181,0		158,8%	100,0%	
*	Dự án 5: Nâng cao NL&GS, ĐG thực hiện chương trình	129,8	152,0	152,0		117,1%	100,0%	
2	<b>CTMTQG về XD nông thôn mới</b>	<b>38.223,3</b>	<b>75.832,0</b>	<b>76.890,0</b>	<b>0,0</b>	<b>201,2%</b>	<b>101,4%</b>	
a	<b>Vốn đầu tư</b>	<b>28.182,7</b>	<b>65.161,0</b>	<b>65.979,0</b>	<b>0,0</b>	<b>234,1%</b>	<b>101,3%</b>	
	- Vốn TW	28.182,7	53.460,0	54.278,0		192,6%	101,5%	
	- Vốn nước ngoài		11.701,0	11.701,0			100,0%	
b	<b>Vốn sự nghiệp</b>	<b>10.040,6</b>	<b>10.671,0</b>	<b>10.911,0</b>	<b>0,0</b>	<b>108,7%</b>	<b>102,2%</b>	
	- Hỗ trợ trực tiếp cho các xã	8.668,0	5.652,0	5.652,0		65,2%	100,0%	
	- Ưu tiên phân bổ xã đạt chuẩn NTM	499,8	500,0	500,0		100,0%	100,0%	
	- HT dự án PTSX liên kết chuỗi GT gắn SX với tiêu thụ		3.000,0	3.000,0				
	- HT đào tạo nghề cho LĐNT		943,0	943,0				
	- Đề án "Chương trình mỗi xã một sản phẩm" (Chương trình OCOP)	522,0		240,0		46,0%		
	- Chi phí quản lý	350,8	576,0	576,0		164,2%	100,0%	
C	<b>CHI THỰC HIỆN MỘT SỐ MT, NV KHÁC</b>	<b>6.564,6</b>	<b>9.769,0</b>	<b>11.069,0</b>	<b>38,0</b>	<b>168,6%</b>	<b>113,3%</b>	<b>0,4%</b>
I	<b>Vốn đầu tư</b>	<b>482,0</b>	<b>0,0</b>	<b>1.300,0</b>	<b>0,0</b>	<b>269,7%</b>		
1	CTMT tái CC kinh tế NN và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư (CT theo QĐ 1776)	482,0						
II	<b>Vốn sự nghiệp</b>	<b>6.082,6</b>	<b>9.769,0</b>	<b>9.769,0</b>	<b>38,0</b>	<b>160,6%</b>	<b>100,0%</b>	<b>0,4%</b>
1	Chương trình đảm bảo trật tự ATGT, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy	181,0	185,0	185,0	0,0	102,2%	100,0%	
	- Phòng chống ma túy	161,0	165,0	165,0		102,5%	100,0%	
	- Phòng chống tội phạm	20,0	20,0	20,0		100,0%	100,0%	
2	KP thực hiện đảm bảo trật tự ATGT	51,0	36,0	36,0	38,0	70,6%	100,0%	105,6%
3	CTMT phát triển lâm nghiệp bền vững	4.141,0	2.356,0	2.356,0		56,9%	100,0%	
4	CTMT tái CC kinh tế NN và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư (CT theo QĐ 1776)	200,0	160,0	160,0		80,0%	100,0%	
5	CTMT hỗ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội	99,6	115,0	115,0		115,5%	100,0%	
6	CTMT giáo dục nghề nghiệp, VL và ATLĐ	20,0	30,0	30,0		150,0%	100,0%	
7	Khắc phục hậu quả thiệt hại do Dịch tả lợn châu phi	1.390,0						
8	Vốn viện trợ của Tổ chức Tâm nhìn thế giới		6.887,0	6.887,0			100,0%	
D	<b>CHI TRẢ NS CẤP TRÊN</b>	<b>1.264,4</b>		<b>3.155,0</b>				
E	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN</b>	<b>113.019,2</b>		<b>30.625,0</b>				









STT	NỘI DUNG	TỔNG CỘNG	QUẠI TỐ	MƯỜNG THIN	CHIẾNG SINH	QUẠI CANG	MÙN CHUNG	TTTT	MƯỜNG MÙN	PHÌNH SÁNG	CHIẾNG ĐÔNG	MƯỜNG KHONG	RẠNG ĐÔNG	NÀ TÔNG	TÀ MA	TỎA TỈNH	PÙ XI	TÊN PHÔNG	PÙ NHUNG	QUẠI NUA	NA
-	Mức chi hỗ trợ đối với ban công tác mặt trận ở khu dân cư (Theo thông tư 121/2017/TT-BTC ngày 15/11/2017 của Bộ Tài chính)	1.047	114	48	142	78	54	75	72	60	60	42	42	36	36	42	60	30	48	72	
4	Chi lương hưu và ĐBXH	1.592	228	129	74	139	33	178	90	102	73	88	7	34	108	56	6	29	133	24	
-	Luật người cao tuổi (Mùng thọ năm 2021)	295	35	19	27	40	9	27	16	6	26	13	7	10	7	7	6	4	10	24	
-	Trợ cấp cán bộ xã nghỉ việc	1.297	195	120	47	99	24	151	74	96	47	75		24	101	49		25	123		
5	Sự nghiệp kinh tế	2.364	122	100	75	122	105	435	100	117	114	104	117	113	104	109	100	100	105	100	
-	Sự nghiệp nông nghiệp (HT cán bộ thú y, khuyến nông xã)	1.984	117	100	75	117	100	75	100	117	109	104	117	113	104	109	100	100	105	100	
-	Sự nghiệp kinh tế khác (Kinh phí đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp GCNQSD đất từ 10% thu tiền sử dụng đất)	380	5	-	-	5	5	360	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
6	Quản lý hành chính, đăng, đoàn thể	73.835	4.851	3.667	3.918	4.332	3.962	3.965	4.101	3.928	3.699	3.670	3.608	3.510	3.476	3.806	4.009	3.303	4.061	4.169	
6.1	Quy lương	57.019	3.940	2.817	3.024	3.284	3.048	3.249	3.082	3.001	2.827	2.751	2.793	2.710	2.615	2.858	3.023	2.513	3.302	3.258	
-	Lương Công chức chuyên trách (đã bao gồm các khoản đóng góp)	29.935	1.810	1.555	1.425	1.620	1.690	1.690	1.435	1.520	1.450	1.520	1.570	1.600	1.500	1.560	1.610	1.430	1.630	1.640	
-	Phụ cấp CB KCT (Đã bao gồm các khoản đóng góp)	4.801	282	200	226	226	255	260	285	310	255	265	255	255	226	226	255	255	255	255	
-	Phụ cấp CB KCT thôn bản (Theo Quyết định số 33/QĐ-UBND)	12.774	1.360	573	596	930	645	1.075	860	715	715	502	502	430	430	502	716	360	573	860	
-	Phụ cấp ĐIBĐND (Đã bao gồm các khoản đóng góp)	2.675	177	142	127	170	134	147	148	148	143	124	124	146	134	138	142	111	130	150	
-	Phụ cấp ban chấp hành ĐU	1.097	65	60	54	76	60	77	70	60	45	54	49	51	43	61	49	43	61	65	
-	Phụ cấp thu hút theo nghị định 76/2019/NĐ-CP	3.270	109	98	596	92	54		174	105	77	153	170	59	139	226	94	169	644	141	
-	Phụ cấp lâu năm theo nghị định 76/2019/NĐ-CP	2.467	137	189		170	210		110	143	142	133	123	169	143	145	157	145	9	147	
6.2	Chi thường xuyên (Theo thời kỳ đầu ổn định ngân sách năm 2017, phân chia theo nhóm xã, thị trấn theo một số tiêu chí về khoảng cách, số bản trên địa bàn)	9.754	495	495	495	495	540	468	558	549	495	549	540	549	549	468	592	468	495	495	
6.3	Bổ sung ngoài định mức:	7.062	416	355	399	553	374	248	461	378	377	370	275	251	312	480	394	322	264	416	
-	Ban giám sát đầu tư công đồng	95	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	
-	Kinh phí hoạt động của khối đoàn thể (Theo Quyết định số 33/QĐ-UBND)	513	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	
-	Đại hội liên hiệp phụ nữ	424	25	20	24	25	20	35	24	24	24	20	20	20	20	20	20	18	20	25	
-	Phần mềm kế toán quỹ vì người nghèo, phần mềm bảng tính lương, phần mềm quản lý cán bộ và bảo trì năm 2021, năm 2022	465	24	24	24	24	24	24	24	24	24	24	24	24	35	24	24	24	24	24	
-	Mua sắm tài sản	4.346	192	219	266	374	230	157	291	223	222	241	146	130	182	351	243	210	128	245	
-	Hỗ trợ các tổ chức Chính trị - xã hội (Tại các bản)	1.219	143	60	53	98	68		90	75	75	53	53	45	45	53	75	38	60	90	
III	DỰ PHÔNG NGÂN SÁCH	1.703	112	84	88	100	90	100	93	100	84	84	82	80	80	86	92	75	93	94	